

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nhàn

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé Q, sinh năm 1982.

Trụ sở: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Phùng Minh T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: tổ 2, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Ông D, ông T vắng mặt tại phiên tòa; ông D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Q là ông Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2019, bà Q có bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông T để chăn nuôi gà phát T kinh tế gia đình. Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng là bán gà thanh toán tiền, thời gian bán mỗi lứa gà là từ 04 đến 05 tháng. Trong quá trình làm ăn hai bên có lập sổ để theo dõi, mỗi bên giữ 01 sổ. Đến tháng 9 năm 2020, do ông T nhiều lần bán gà nhưng không thanh toán đủ tiền cho bà Q, hai bên có tổng kết sổ thì ông T còn nợ bà Q số tiền 132.339.000 đồng. Sau khi tổng kết nợ

thì hai bên tiếp tục làm ăn đến tháng 5 năm 2021 thì kết thúc làm ăn với nhau. Do ông T không thanh toán nợ cũ và phát sinh thêm nợ mới với số tiền 60.890.000 đồng. Tổng số tiền ông T nợ bà Q là 193.890.000 đồng. Bà Q nhiều lần liên hệ đòi nhưng ông T nhiều lần hứa hẹn nhưng đến nay chưa trả nợ. Vì vậy, bà Q yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 193.229.000 đồng, bà Q không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa. Ông cũng không gửi ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên trong hồ sơ không có lời trình bày của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Q khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông T cư trú tại xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Q yêu cầu ông T trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 193.229.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Q nộp là: Sổ theo dõi ghi mỗi lần giao thức ăn cho ông T bản chính. Cuối trang của sổ theo dõi thức ăn thể hiện 02 lần cộng sổ: cộng sổ lần 01 vào ngày 03/9/2020 với số tiền ông T nợ là 132.339.000 đồng; cộng sổ lần hai tiền mua thức ăn từ ngày tháng 12/2020 đến tháng 5/2021 ông T nợ là 60.890.000 đồng, tổng số nợ hai lần là 193.229.000 đồng, có chữ ký tên xác nhận mang tên Phùng Minh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là “sổ theo dõi ghi mỗi lần ghi thức ăn” cho ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền sau khoảng 04 đến 05 tháng mua thức ăn (tức ngày xuất chuồng gà). Tính đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bị đơn chưa thực hiện việc trả tiền cho bà Q.

Vì vậy, việc bà Q khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được

chấp nhận. Bà Q không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T có trách nhiệm nộp theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 193.229.000 đồng x 5% = 9.661.450 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé Q. Buộc ông Phùng Minh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé Q số tiền 193.229.000 đồng (một trăm chín mươi ba triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Phùng Minh T có trách nhiệm nộp là 9.661.450 (chín triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.830.000 (bốn triệu, tám trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002813 ngày 24/01/2024.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan